

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐỀ NGHỊ CHUYỂN KHOẢN CHỨNG KHOÁN****Kính gửi: Công ty cổ phần Chứng khoán Finhay**

Họ tên người đề nghị: .....

Số ĐKNSH: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Số điện thoại: .....

Số tài khoản giao dịch: .....

Người được uỷ quyền: .....

Số CCCD: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Đề nghị Công ty cổ phần Chứng khoán Finhay chuyển số chứng khoán và quyền phát sinh dưới đây đến:

Người nhận: .....

Số tài khoản lưu ký: ..... tại Công ty .....

Nội dung: .....

*(Ví dụ: Chuyển khoản một phần/toàn bộ chứng khoán và quyền, Chuyển khoản một phần/toàn bộ chứng khoán, Chuyển khoản tách biệt danh mục, ...)***1. Số dư chứng khoán đề nghị chuyển khoản:**

| STT     | Mã CK | Số lượng chứng khoán sở hữu |                          |                        |                          | Tổng cộng |
|---------|-------|-----------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|-----------|
|         |       | CK giao dịch                |                          | CK chờ giao dịch       |                          |           |
|         |       | CK tự do chuyển nhượng      | CK hạn chế chuyển nhượng | CK tự do chuyển nhượng | CK hạn chế chuyển nhượng |           |
| 1. HNX  |       |                             |                          |                        |                          |           |
|         |       |                             |                          |                        |                          |           |
|         |       |                             |                          |                        |                          |           |
|         |       |                             |                          |                        |                          |           |
| 2. HOSE |       |                             |                          |                        |                          |           |
|         |       |                             |                          |                        |                          |           |

|                 |  |  |  |  |  |  |
|-----------------|--|--|--|--|--|--|
|                 |  |  |  |  |  |  |
|                 |  |  |  |  |  |  |
| <b>3. UPCOM</b> |  |  |  |  |  |  |
|                 |  |  |  |  |  |  |
|                 |  |  |  |  |  |  |
|                 |  |  |  |  |  |  |

**2. Các quyền phát sinh liên quan đến mã chứng khoán chuyển khoản (chỉ ghi trong trường hợp có đề nghị chuyển khoản quyền phát sinh)**

**a. Quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu:**

| Mã CK           | Ngày ĐKCC | Tỷ lệ thực hiện | Số lượng CK lưu ký tại ngày ĐKCC | Số lượng cổ phiếu được phân bổ | Cổ phiếu lẻ | Tiền quy đổi cổ phiếu lẻ |
|-----------------|-----------|-----------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------|--------------------------|
| <b>1. HNX</b>   |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
| <b>2. HOSE</b>  |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
| <b>3. UPCOM</b> |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |

**b. Quyền nhận cổ tức bằng tiền:**

| Mã CK           | Ngày ĐKCC | Tỷ lệ thực hiện | Số lượng CK lưu ký tại ngày ĐKCC | Số tiền cổ tức trước thuế |
|-----------------|-----------|-----------------|----------------------------------|---------------------------|
| <b>1. HNX</b>   |           |                 |                                  |                           |
|                 |           |                 |                                  |                           |
|                 |           |                 |                                  |                           |
| <b>2. HOSE</b>  |           |                 |                                  |                           |
|                 |           |                 |                                  |                           |
|                 |           |                 |                                  |                           |
| <b>3. UPCOM</b> |           |                 |                                  |                           |
|                 |           |                 |                                  |                           |
|                 |           |                 |                                  |                           |

**c. Quyền thưởng cổ phiếu:**

| Mã CK           | Ngày ĐKCC | Tỷ lệ thực hiện | Số lượng CK lưu ký tại ngày ĐKCC | Số lượng cổ phiếu được phân bổ | Cổ phiếu lẻ | Tiền quy đổi cổ phiếu lẻ |
|-----------------|-----------|-----------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------|--------------------------|
| <b>1. HNX</b>   |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
| <b>2. HOSE</b>  |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
| <b>3. UPCOM</b> |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |
|                 |           |                 |                                  |                                |             |                          |

**d. Quyền mua**

| Mã CK           | Ngày ĐKCC | Tỷ lệ thực hiện | Số lượng CK lưu ký tại ngày ĐKCC | Số lượng quyền mua sở hữu | Số lượng CK đã đặt mua |
|-----------------|-----------|-----------------|----------------------------------|---------------------------|------------------------|
| <b>1. HNX</b>   |           |                 |                                  |                           |                        |
|                 |           |                 |                                  |                           |                        |
|                 |           |                 |                                  |                           |                        |
| <b>2. HOSE</b>  |           |                 |                                  |                           |                        |
|                 |           |                 |                                  |                           |                        |
|                 |           |                 |                                  |                           |                        |
| <b>3. UPCOM</b> |           |                 |                                  |                           |                        |
|                 |           |                 |                                  |                           |                        |
|                 |           |                 |                                  |                           |                        |

**e. Quyền hoán đổi cổ phiếu**

| Mã CK           | Ngày ĐKCC | Tỷ lệ thực hiện | Số lượng CK lưu ký tại ngày ĐKCC | Số lượng CK hoán đổi được phân bổ |
|-----------------|-----------|-----------------|----------------------------------|-----------------------------------|
| <b>1. HNX</b>   |           |                 |                                  |                                   |
|                 |           |                 |                                  |                                   |
|                 |           |                 |                                  |                                   |
| <b>2. HOSE</b>  |           |                 |                                  |                                   |
|                 |           |                 |                                  |                                   |
|                 |           |                 |                                  |                                   |
| <b>3. UPCOM</b> |           |                 |                                  |                                   |
|                 |           |                 |                                  |                                   |

**f. Quyền chuyển đổi trái phiếu**

| Mã CK           | Ngày ĐKCC | Tỷ lệ thực hiện | Số lượng trái phiếu lưu ký tại ngày ĐKCC | Số lượng CK chuyển đổi được phân bổ |
|-----------------|-----------|-----------------|------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>1. HNX</b>   |           |                 |                                          |                                     |
|                 |           |                 |                                          |                                     |
|                 |           |                 |                                          |                                     |
| <b>2. HOSE</b>  |           |                 |                                          |                                     |
|                 |           |                 |                                          |                                     |
|                 |           |                 |                                          |                                     |
| <b>3. UPCOM</b> |           |                 |                                          |                                     |
|                 |           |                 |                                          |                                     |
|                 |           |                 |                                          |                                     |

**g. Quyền khác**

| Mã CK           | Ngày ĐKCC | Tỷ lệ thực hiện | Số lượng CK lưu ký tại ngày ĐKCC | Số lượng quyền được nhận |
|-----------------|-----------|-----------------|----------------------------------|--------------------------|
| <b>1. HNX</b>   |           |                 |                                  |                          |
|                 |           |                 |                                  |                          |
|                 |           |                 |                                  |                          |
| <b>2. HOSE</b>  |           |                 |                                  |                          |
|                 |           |                 |                                  |                          |
|                 |           |                 |                                  |                          |
| <b>3. UPCOM</b> |           |                 |                                  |                          |
|                 |           |                 |                                  |                          |
|                 |           |                 |                                  |                          |

**Mục dưới đây chỉ áp dụng đối với đối tượng chuyển khoản là cá nhân, hộ gia đình:**

Tôi xác nhận số cổ tức bằng chứng khoán, cổ phiếu thưởng bằng chứng khoán trong số lượng chứng khoán chuyển khoản như sau:

**1. Cổ tức bằng chứng khoán:**

| Mã CK | Số lượng chứng khoán   |                          |                        |                          | Sàn |
|-------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|-----|
|       | CK giao dịch           |                          | CK chờ giao dịch       |                          |     |
|       | Tự do<br>chuyển nhượng | Hạn chế<br>chuyển nhượng | Tự do<br>chuyển nhượng | Hạn chế<br>chuyển nhượng |     |
|       |                        |                          |                        |                          |     |
|       |                        |                          |                        |                          |     |

**2. Cổ phiếu thưởng:**

| Mã CK | Số lượng chứng khoán   |                          |                        |                          | Sàn |
|-------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|-----|
|       | CK giao dịch           |                          | CK chờ giao dịch       |                          |     |
|       | Tự do<br>chuyển nhượng | Hạn chế<br>chuyển nhượng | Tự do<br>chuyển nhượng | Hạn chế<br>chuyển nhượng |     |
|       |                        |                          |                        |                          |     |
|       |                        |                          |                        |                          |     |

Tôi/chúng tôi xác nhận thông tin nêu trên là chính xác và cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc này.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Người đề nghị**

**Xác nhận của NVLK**

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**